

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HS-PT

Ngày: 03-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

Ông Nguyễn Văn Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Tấn Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 1043/2024/TLPT-HS ngày 30/10/2024, đối với bị cáo Trương Minh T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 489/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1121/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Trương Minh T**; Giới tính: nam, sinh năm 19 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: C L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng kinh doanh miền N - Công ty Cổ phần T4; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Trương Minh Q và bà Nguyễn Thị Y; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và có 02 người con (sinh năm 2007 và năm 2010); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2023 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Bích T1, là Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại:* Công ty cổ phần T4; Trụ sở chính: Số A, ngách B phố L, phường B, quận L, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ kinh doanh - kho hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh: B B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Thị Mai L - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1973; HKTT: 21 Đường D, KP6, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Thông tin pháp nhân Công ty cổ phần T4 (Công ty T4)

Công ty T4, MSDN 0108935778, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp chứng nhận ĐKKD lần đầu ngày 08/10/2019, thay đổi lần thứ 7 ngày 04/11/2021; địa chỉ trụ sở chính: số A ngách B Phố L, phường B, quận L, thành phố Hà Nội; ngành nghề kinh doanh: buôn bán thực phẩm, do Lê Thị H là Giám đốc, đại diện theo pháp luật.

Ngày 22/4/2021, Công ty T4 đăng ký địa điểm kinh doanh - kho hàng tại địa chỉ B B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài khoản mà Công ty T4 sử dụng để yêu cầu nhân viên công ty sau khi thu tiền từ các khách hàng nộp về công ty từ ngày 20/10/2020 đến ngày 15/7/2022 là tài khoản số 19135422475013 mở tại Ngân hàng T5, chủ tài khoản: Lê Thị H; sau ngày 15/7/2022 là tài khoản số 116002781300 mở tại Ngân hàng V, chủ tài khoản: Công ty T4.

Công ty T4 không có quy định cụ thể về quy trình bán hàng, giao nhận hàng hóa. Riêng về thời gian thu tiền của khách hàng và nộp về công ty, Công ty T4 có Thông báo (không số) ngày 01/11/2020 nội dung như sau:

- Đối với khách hàng thanh toán bằng tiền mặt: nhân viên bán hàng thu tiền ngay sau khi giao hàng và nộp tiền về công ty trong ngày, trường hợp thu sau 16 giờ thì nộp vào sáng ngày hôm sau.

- Đối với khách hàng thanh toán chuyển khoản: nhân viên bán hàng yêu cầu khách hàng chuyển khoản vào tài khoản do công ty yêu cầu ngay khi giao xong hàng và chụp bill chuyển tiền cho kế toán để kiểm tra tài khoản. Kế toán xác nhận tiền vào tài khoản thì mới hoàn tất việc thu tiền.

2. Hành vi Trương Minh T về việc chiếm đoạt tiền của Công ty T4.

Trương Minh T làm việc tại Công ty T4 từ tháng 10/2020, được Công ty T4 bổ nhiệm làm Trưởng phòng kinh doanh miền Nam theo Quyết định số 0011/2020/QĐ-HV ngày 20/10/2020. Ngày 01/4/2021, Công ty T4 có Giấy ủy quyền số 03/2021/UQ cho T và Quyết định số 11/2021/QĐ-HV ngày 06/11/2021 về việc bổ nhiệm Trưởng phòng kinh doanh miền nam đối với T do thay đổi tên Công ty đang hoạt động.

Với chức vụ Trưởng phòng kinh doanh miền N, T có quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Văn phòng M; bố trí công tác nhập xuất hàng và ký chứng từ nhập kho, xuất kho tại kho hàng văn phòng miền N; không được lợi dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Văn phòng miền N để thu lợi cho riêng bản thân, cho người khác, không được tiết lộ

bí mật của Công ty; chịu trách nhiệm toàn bộ với hàng hóa và tài sản của Công ty kể từ ngày ký quyết định; chịu trách nhiệm toàn bộ với khoản thu tiền từ bán sản phẩm cho khách hàng của Công ty T4 tại Chi nhánh văn phòng miền N.

Từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2022, T lên đơn hàng và lấy hàng từ kho của Công ty T4 ở Quận G để giao cho 23 khách hàng/đại lý, gồm: Nhà phân phối P Nhà phân phối Phương SG, Công ty TNHH G thứ hai, Cửa hàng T – shop 666, Nhà phân phối Vọng Dung, cửa hàng H1, cửa hàng T6, Công ty TNHH MTV J, khách lẻ SG, Công ty TNHH T7, Công ty TNHH T8, Nhà phân phối chị T2, Nhà phân phối Đặng Xuân P1, Công ty TNHH T9, cửa hàng tự chọn Jmart, GK MiniMart, nhà phân phối Hoàng SG, nhà phân phối L, shop Chuồn C1 đỏ, nhà phân phối chị H2, nhà phân phối Đức Biên H3, nhà phân phối Đ, S shop, H4 kinh doanh siêu thị hàng Hàn (K).

Sau khi nhận hàng, khách hàng thanh toán tiền hàng bằng 02 hình thức là tiền mặt và chuyển khoản ngân hàng. T cung cấp cho khách hàng số tài khoản 200014849626165, chủ tài khoản Trương Minh T, mở tại Ngân hàng E và yêu cầu khách hàng chuyển tiền vào tài khoản này. T đã nhận tiền thanh toán tiền hàng từ 23 khách hàng trên tổng cộng 493.145.076 đồng (trong đó khách hàng chuyển khoản vào tài khoản của T là 322.506.500 đồng và khách hàng trả tiền mặt cho T là 175.638.576 đồng) nhưng T tiêu xài cá nhân đã hết số tiền này nên không chuyển nộp tiền cho Công ty T4. Khi Công ty T4 yêu cầu T đối chiếu công nợ của 23 khách hàng này thì T báo cáo cho Công ty T4 do tình hình kinh doanh khó khăn vì ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên là khách hàng chưa thanh toán.

Ngoài ra, vào tháng 4/2021, Công ty T4 có thuê 01 phòng trọ trong căn nhà số C N, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cho T để ở và đặt cọc cho chủ nhà là ông Lê Nguyễn Minh C2 số tiền 5.000.000 đồng.

Đến tháng 4/2022, T thông báo với chủ phòng trọ là ông Lê Nguyễn Minh C2 về việc Công ty T4 không tiếp tục thuê phòng nữa nên ngày 05/4/2022, T đại diện Công ty T4 ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê phòng trọ và nhận lại số tiền 5.000.000 đồng mà công ty T4 đã đặt cọc cho ông C2 trước đây. Sau khi nhận lại số tiền cọc T không trả về cho Công ty T4 mà sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

3. Quá trình điều tra có kết quả như sau:

Công ty T4 khai: Công ty T4 có quy định rất cụ thể về thời gian thu tiền của khách hàng và nộp về công ty. Tuy nhiên, Trương Minh T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình, yêu cầu khách hàng chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của T, thu tiền mặt của khách hàng nhưng không nộp về Công ty mà chiếm đoạt và sử dụng cho mục đích cá nhân.

Trong đơn tố cáo mà Công ty T4 nộp cho Cơ quan điều tra vào ngày 21/10/2022, Công ty T4 xác định số tiền mà T chiếm đoạt của Công ty T4 là 577.370.076 đồng (trong đó bao gồm 572.370.076 đồng tiền hàng và 5.000.000 đồng tiền hoàn cọc thuê phòng trọ). Nhưng Công ty T4 đã kiểm tra các khách

hàng sau chưa thanh toán tổng cộng là 79.225.000 đồng (trong đó Cửa hàng T6 chưa trả số tiền 2.858.000 đồng, Công ty G1 chưa trả số tiền 48.722.000 đồng, S1 666 chưa trả số tiền 12.660.000 đồng, Siêu thị J1 chưa số tiền 14.985.000 đồng). Do đó số tiền thực tế T chiếm đoạt của công ty số tiền: 498.145.076 đồng (gồm 493.145.076 đồng tiền hàng và 5.000.000 đồng tiền cọc). Sau khi tố cáo, T và gia đình đã hoàn trả hết số tiền này cho công ty T4 nên đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm cho T.

Trương Minh T khai: T đã thừa nhận hành vi của mình là trái quy định của Công ty và trái quy định của pháp luật. Trong thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2022, lợi dụng nhiệm vụ được giao là bán hàng và thu tiền của các khách hàng tổng cộng là 493.145.076 đồng và T đã nhận lại 5.000.000 đồng tiền hoàn cọc nhưng T không nộp các khoản tiền về cho Công ty mà chiếm đoạt số tiền này để sử dụng mục đích cá nhân.

Ông Lê Nguyễn Minh C2 khai: C2 là chủ sở hữu căn nhà số C N, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. C2 có ký hợp đồng thuê phòng trọ thuộc nhà 300/38 với Công ty T4, mục đích thuê cho Trương Minh T là nhân viên công ty ở, giá thuê 5.000.000 đồng/tháng, đặt cọc 5.000.000 đồng. Đến tháng 4/2022, T thông báo với C2 yêu cầu thanh lý hợp đồng thuê và nhận lại số tiền đặt cọc 5.000.000 đồng.

4. Kết quả trưng cầu giám định:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã thực hiện trưng cầu giám định trên các phiếu xuất kho bán hàng do Công ty T4 cung cấp để xác định chữ ký trên 101 phiếu xuất kho bán hàng này có phải do T ký ra hay không. Kết luận giám định số 5220 ngày 09/8/2023 của Phòng K Công an Thành phố H xác định: chữ ký dưới mục “NGƯỜI NHẬN HÀNG” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A73, từ A75 đến A85, từ A87 đến A101, chữ ký dưới mục “TP.KDMN XÁC NHẬN” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A57, A59, A60, từ A 62 đến A72, A74, từ A76 đến A101 so với chữ ký của Trương Minh T trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

5. Kết quả xác minh tài khoản:

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tài khoản số 200014849626165, chủ tài khoản Trương Minh T mở tại Ngân hàng E, thể hiện tổng số tiền T nhận của các khách hàng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của T là 322.506.500 đồng.

Cơ quan điều tra xác minh tài khoản số 19135422475013, chủ tài khoản Lê Thị H mở tại Ngân hàng T5, xác định sao kê tài khoản không có giao dịch nào thể hiện tài khoản của Trương Minh T có chuyển tiền hàng về cho Công ty T4.

Tại Bản cáo trạng số 338/CT-VKS-P3 ngày 06/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trương Minh T về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 489/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: **Trương Minh T** 09 (chín) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 04/10/2024, bị cáo Trương Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống như bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo T làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo T:

- Về tội danh: Kết quả điều tra đã thể hiện bị cáo T là Trưởng phòng kinh doanh miền N của Công ty T4. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2022 bị cáo lên đơn hàng, lấy hàng của Công ty T4 giao cho 23 khách hàng và những khách hàng này đã thanh toán cho T bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của T và giao tiền mặt tổng cộng 493.145.076 đồng; đồng thời bị cáo T còn thanh lý hợp đồng thuê nhà và nhận 5.000.000 đồng tiền đặt cọc của Công ty T4 từ ông Lê Nguyễn Minh C2. Toàn bộ số tiền nêu trên bị cáo tiêu xài cá nhân. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo T. Tuy nhiên, nhận thấy mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm cho bị cáo T từ 01 đến 02 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T phát biểu:

- Về tội danh: Luật sư không tranh luận.

- Về hình phạt: Luật sư thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên. Bị cáo T có đóng góp công sức trong đợt phòng chống dịch Covid, có em trai tên Trương Minh T3 là sĩ quan quân đội, được tặng thưởng nhiều huy chương, giấy khen. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T.

Bị cáo T không bổ sung gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Trương Minh T làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo T, nhận thấy:

[2.1] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử ở cấp sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người liên quan; phù hợp với kết quả trưng cầu giám định, kết quả xác minh tài khoản; đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã được tranh tụng công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận:

Trương Minh T là Trưởng phòng kinh doanh miền N của Công ty T4. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2022, bị cáo đã lấy hàng của Công ty bán cho 23 khách hàng và những khách hàng này đã thanh toán tiền hàng bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo và giao tiền mặt cho bị cáo tổng cộng 493.145.076 đồng; đồng thời bị cáo T còn thanh lý hợp đồng thuê nhà và nhận 5.000.000 đồng tiền đặt cọc của Công ty T4 từ ông Lê Nguyễn Minh C2. Toàn bộ số tiền nêu trên bị cáo tiêu xài cá nhân.

Trương Minh T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của doanh nghiệp do mình quản lý là phạm tội, nhưng vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Công ty V1. Với các hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “*Tham ô tài sản*”, với các tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”, theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, nhận thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền 498.145.076 đồng cho bị hại và bị hại cũng có đơn xin cứu xét, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bản án sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, nhận thấy với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên và nhất là việc bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại nhưng bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo 09 năm tù là có phần nghiêm khắc.

[3] Từ những phân tích nêu trên xét thấy kháng cáo của bị cáo T, đề nghị của Luật sư và Kiểm sát viên là có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Minh T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 489/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Trương Minh T phạm tội “Tham ô tài sản”.

[2] Căn cứ vào các điểm c, d khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: **Trương Minh T** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2023.

Tạm giam bị cáo Trương Minh T 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Minh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Thành phố Hồ Chí Minh (để tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa